|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa GDTC – QP**  |  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục thể chất** | **Mã số: 7140206** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung** |
| **1.1. Tên học phần: Quản lý Thể dục thể thao**  | **1.2. Tên tiếng Anh: Sports management** |
| **1.3. Mã học phần:** TQQLTD.106 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:**  |  |
| **-** Lý thuyết:  | 30 tiết |
| - Thực hành:  | 0 tiết |
| - Tự học:  | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | Ths. Nguyễn Xuân Hải |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Ts. Trần Thủy, Ts. Cao Phương, Ths. Nguyễn Anh Tuấn, Ths. Nguyễn Quang Hòa, Ths. Nguyễn Thế Thành |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: |  |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị những kiến thức cơ bản và cần thiết về khoa học quản lý, quản lý nhà nước nói chung và quản lý trong hoạt động TDTT để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học TDTT; những kiến thức cơ bản về cơ sở tư tưởng, quá trình hình thành và phát triển và nội dung cơ bản Đường lối TDTT của Đảng cộng sản Việt Nam trong các thời kì.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên nắm vững các chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước và của ngành thuộc lĩnh vực TDTT; những kiến thức cơ bản về công tác quản lý TDTT cơ sở. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống các quan điểm, chủ trương với mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao cách mạng của nước ta do Đảng đề ra và được Nhà nước thể chế hóa để chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng đúng các nguyên tắc, phương pháp, các phương tiện cần thiết vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý các hoạt động TDTT quần chúng, thể thao trường học và thể thao trường học để đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển tài năng thể thao trong nhà trường các cấp; bước đầu nắm vững và hiểu được công tác quản lý TDTT cơ sở. Có khả năng tiếp thu những kiến thức về tổ chức, quản lý phong trào TDTT cơ sở. Có các kỹ năng phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn về nghề nghiệp trong tương lai. Có kỹ năng xác định đúng đắn lập trường, phương hướng và tinh thần trách nhiệm đảm trách công tác được phân công cùng với việc phát huy, vận dụng năng lực chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động thực tiễn sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường.

**2.2.3. Về thái độ**

Giúp sinh viên có thái độ học tập một cách tự giác, tích cực, chủ động trong quá trình học tập; không ngừng trao dồi kiến thức, tìm hiểu tài liệu liên quan; làm đầy đủ các bài tập về nhà. Có thái độ học tập tích cực, phát huy ý thức tự giác, tinh thần chủ động trong học tập, nghiên cứu tài liệu và nhu cầu tiếp thu kiến thức cho bản thân và nghề nghiệp tương lai. Nhận định và đánh giá được vị trí, vai trò của môn học và ngành học trong xã hội hiện nay. Có lối sống lành mạnh, trung thực, tinh thần cầu tiến. Kính trọng và yêu quý giảng viên đang giảng dạy môn học

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Biết được nguyên tắc và phương pháp quản lý; Hệ thống tổ chứ c- quản lý TDTT ở Việt Nam; ;Những yêu cầu đối với cán bộ quản lý và các hoạt động tuyên truyền về TDTT |
| CLO2 | Biết được các nguyên tắc quản lý giáo dục thể chất ở Nhà trường |
| CLO3 | Biết được các phương án phát triển thể thao thành tích cao |
| CLO4 | Biết được các hình thức hoạt động TDTT quần chúng,  |
| CLO5 | Có khả năng quản lý phong trào TDTT ở nơi công tác |
| CLO6 | Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập, ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ |
| CLO7 | Hiểu biết về các giá trị và đạo đức nghề nghiệp, có thái độ tích cực, có tinh thần trách nhiệm với xã hội về nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng phát triển giáo dục |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| CLO 1 | I | R | I | R | M | M | R | M | R | I | M | M | R |
| CLO 2 | R | R | I | R | M | R | M | M | M | I | R | R | R |
| CLO 3 | R | R | I | R | M | R | R | M | I | I | R | R | R |
| CLO 4 | R | R | I | R | M | R | R | M | I | I | R | R | R |
| CLO 5 | R | R | R | M | M | R | R | I | R | R | M | R | R |
| CLO6 | R | I | R | R | M | R | I | I | I | M | M | R | R |
| CLO7 | I | I | R | R | R | R | R | I | I | R | R | R | R |
| Tổng hợp học phần | R | R | I | R | M | R | R | M | R | I | M | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric****(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Theo Rubric 1 |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 25% | A2.1. Nguyên tắc, hệ thống tổ chức quản lý TDTT ở Việt Nam | 50% |  | CLO1CLO6CLO7 | Chấm bài viết  |
| A2.2. Công tác quản lý TDTT ở các cơ sở giáo dục, trung tâm TDTT,… | 50% |  | CLO2CLO3CLO4CLO5CLO6 | Chấm bài viết  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 70% | Bài ktra cuối kỳ: Viết hoắcVấn đáp  |  |  | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO5CLO6CLO7 | Chấm bài viết / hoặc Chấm trả lời câu hỏi vấn đáp theo từng cá nhân |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=65% số buổi của HP. Nếu nghỉ >35% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/****Buổi** (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài đánh giá(ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG I. CƠ SỞ BẢN CHẤT, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP, MỤC TIÊU VÀ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ.**1. Cơ sở lý luận của quản lý xã hội chủ nghĩa2. Nguyên tắc quản lý3. Phương pháp quản lý4. Chức năng quản lý 5. Mục tiêu quản lý | 6/0/0 | 1.1. Nắm được cơ sở lý luận của quản lý XHCN1.2. Nắm được nguyên tắc và phương pháp quản lý1.3. Nắm được chức năng và mục tiêu quản lý | CLO1CLO5CLO7 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên | A2.1 |
| 2 | **CHƯƠNG II. HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ TDTT**1. Hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT2. Hệ thống tổ chức – quản lý TDTT Việt Nam3. Quản lý TDTT trong hệ thống tổ chức chính trị nước CHXHCN Việt Nam tắc khai cuộc – phân loại. | 5/0/0 | 2.1. Nắm được quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý TDTT2.2. Nắm được Hệ thống tổ chức quản lý TDTT ở Việt Nam | CLO1CLO5CLO6CLO7 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên,  | A2.1 |
| 3 | **CHƯƠNG III. CÁN BỘ QUẢN LÝ**1. Vai trò của cán bộ quản lý2. Những yêu cầu đối với cán bộ quản lý3. Sử dụng cán bộ quản lý4. Đánh giá cán bộ quản lý | 4/0/0 | 3.1. Nắm được vai trò của cán bộ quản lý3.2. Nắm được yêu cầu của cán bộ quản lý | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO5 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, ProjectoR | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên,  | A2.1A2.2 |
| 4 | **CHƯƠNG IV. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO – KIỂM TRA VÀ TUYÊN TRUYỀN**1. Hoạt động chỉ đạo2. Hoạt động kiểm tra3.Hoạt động tuyên truyền TDTT | 3/0/0 | 4.1. Hiểu và vận dụng được hoạt động chỉ đạo – kiểm tra và tuyên truyền TDTT | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO5 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên,  | A2.2 |
| 5 | **CHƯƠNG V. QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG NHÀ TRƯỜNG**1. Vị trí công tác giáo dục thể chất trong nhà trường2. Mục tiêu chiến lược của giáo dục thể chất nhà trường3. Nguyên tắc quản lý giáo dục thể chất nhà trường4. Quản lý vi mô giáo dục thể chất nhà trường5. Tổ chức quản lý cán bộ TDTT trong nhà trường | 4/0/0 | 5.1. Nắm vững vị trí, mục tiêu của GDTC trong nhà trường5.2. Nắm vững nguyên tắc quản lý giáo dục thể chất trong nhà trường | CLO1CLO2CLO5CLO6CLO7 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên | A2.2 |
|  | **CHƯƠNG VI. QUẢN LÝ CÔNG TÁC THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO VÀ THI ĐẤU Ở VIỆT NAM**1. Phương án phát triển thể thao thành tích cao Việt Nam2. Quản lý công tác thi đấu thể thao | 4/0/0 | 6.1. Biết được công tác quản lý thi đấu thể thao và phương án phát triển thể thao thành tích cao của Việt Nam  | CLO1CLO3CLO5CLO6CLO7 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên | A2.2 |
|  | **CHƯƠNG VII. QUẢN LÝ CÔNG TÁC TDTT QUẦN CHÚNG**1. Đặc điểm quản lý TDTT quần chúng2. Kế hoạch quản lý TDTT quần chúng3. Hình thức hoạt động TDTT quần chúng4. Tiêu chuẩn đánh giá kết quả TDTT quần chúng5. Các bước đánh giá kết quả TDTT quần chúng6. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý TDTT quần chúng | 4/0/0 | 7.1. Nắm được đặc điểm, hình thức của quản lý TDTT quần chúng.7.2. Nắm vững các tiêu chuẩn đánh giá kết quả TDTT quần chúng.7.3. Hiểu và vận dụng được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý TDTT quần chúng. | CLO1CLO4CLO5CLO6CLO7 | - Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở- Bài giảng của giảng viên- Sử dụng máy tính, Projector | Thảo luận, trao đổi theo kế hoạch của giảng viên | A2.2 |
| Theo lịch thi | **Kiểm tra cuối kì** |  |  |  |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** |
| 1 | Vũ Đức Thu  | 2004 | **Giáo trình lịch sử và quản lý học TDTT** | Nxb ĐHSP/ Hà Nội |
| **Sách, giáo trình tham khảo** |
| 2 | Phạm Đình Bẩm | 2005 | **Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT** | Nxb TDTT/ Hà Nội |
| 3 | Đặng Quốc Nam và cộng sự | 2013 | **Giáo trình quản lý TDTT** | Nxb TDTT/ Hà Nội |
| 4 | Phạm Xuân Thành  | 2015 | **Quản lý học TDTT** | Nxb TDTT/ Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**  |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường  | *Máy tính, projector, bàn*  | *1* | *Chương I, II, III, IV, V, VI, VII* |

**9. Rubric đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa****TS. Trần Thủy** | **Phụ trách Bộ môn****TS. Trần Thủy** | **Người biên soạn****ThS. Nguyễn Xuân Hải** |

 |